TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2019
V/v *"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trung Kiên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Thạch Thị Lan Nhung**.

2. Bà **Pang Ting Suyl**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Khắc Duy** – Là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Mai Trường Trinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/01/2019 về tranh chấp *"Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST–DS ngày 13 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **K'T**. Sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Số 128B Nguyễn Trung T, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh **Ha An D**. Sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Thôn 10, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(*Tại phiên tòa: Chị K'T có mặt, anh Ha An D vắng mặt không có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị K'T trình bày:

Chị xây dựng gia đình với anh Ha An D vào năm 2006, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Đến tháng 4 năm 2012 anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ha An D ngoại tình, rượu chè, cờ bạc, nhiều lần đe dọa, xúc phạm chị. Chị đã khuyên ngăn và nhiều lần cho anh D cơ hội để sửa đổi nhưng anh D vẫn không sửa đổi. Hai bên gia đình đã động viên, hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm cho vợ chồng

nhiều lần nhưng không thành. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng có liên lạc để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có hai con chung là K'Anh T, sinh ngày 21/4/2007 và Ha T, sinh ngày 26/7/2011. Hiện nay cả hai con đang ở với anh D cùng ông bà nội. Chị đang ở trọ để làm nghề, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 04 triệu đồng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ha T. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định vợ chồng có nợ bà Trương Thị Kim N, địa chỉ: Số 68 tổ dân phố Y, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 370.000.000đ; nợ ông Phạm Khắc K, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng số tiền là 300.000.000đ. Trước đây, tại đơn xin ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nợ chung, nhưng sau đó vợ chồng chị đã tự thỏa thuận được với các chủ nợ nên chị xin rút lại yêu cầu giải quyết về nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung trong vụ án này.

Ngoài ra chị K'T không có yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 07/3/2019, bị đơn anh Ha An D trình bày:

Anh xây dựng gia đình, kết hôn với chị K'T như chị K'T trình bày là đúng. Vợ chồng anh chung sống hòa thuận hạnh phúc không có mâu thuẫn. Thời gian gần đây, vợ anh nghi ngờ anh ngoại tình nên từ đó vợ chồng mới xảy ra mâu thuẫn và vợ anh đã bỏ đi, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh nhiều lần liên lạc với chị K'T để hàn gắn tình cảm nhưng chị K'T không đồng ý. Nay chị K'T yêu cầu ly hôn, anh xác định còn tình cảm với chị K'T, anh muốn chị K'T cho anh thêm cơ hội để anh sửa chữa lỗi lầm, để vợ chồng hàn gắn tình cảm lo cho các con. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định có hai con chung như chị K'T trình bày. Anh không đồng ý ly hôn với chị K'T nên anh không có ý kiến gì về con chung, tùy nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Đối với hai khoản nợ như chị K'T khai thì anh không biết chị K'T vay nợ khi nào và cũng không biết chị K'T sử dụng tiền vay như thế nào. Ngoài ra vợ chồng không nợ ai khác. Anh yêu cầu Tòa án xem xét. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ha An D thừa nhận có nợ chung như chị K'T khai và anh cũng thống nhất với chị K'T là không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra anh Ha An D không có yêu cầu nào khác.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Chị K'T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Ha An D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, của các đương sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị K'T về việc xin ly hôn với anh Ha An D; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là K'Anh T, sinh ngày 21/4/2007 cho anh Ha An D có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao con chung là Ha T, sinh ngày 26/7/2011 cho chị K'T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; Chị K'T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Ha An D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Ha An D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị K'T và anh Ha An D xây dựng gia đình với nhau năm 2006, trên cơ sở tự nguyện. Đến ngày 17/4/2012, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Do mâu thuẫn phát sinh không thể hàn gắn nên chị K'T làm đơn ly hôn. Tại phiên tòa, chị K'T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, cả hai không có biện pháp cải thiện tình cảm nên chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Hội đồng xét xử đã thuyết phục, động viên chị K'T rút đơn để vợ chồng đoàn tụ lo cho con nhưng chị K'T không đồng ý rút đơn. Còn anh Ha An D mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Ha An D cũng không có thiện chí gặp gỡ chị K'T để hàn gắn tình cảm. Hơn nữa, qua lời khai của anh Ha An D thể hiện anh không tin tưởng chị K'T trong chuyện tình cảm. Mặt khác, qua kết quả xác minh thực tế xác định mâu thuẫn vợ chồng chị K'T và anh Ha An D đã trầm trọng, kéo dài, nguyên nhân chủ yếu là do anh Ha An D ngoại tình, hay uống rượu, không lo lắng cho gia đình, đã nhiều lần chị K'T bỏ qua nhưng anh Ha An D không thay đổi dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Do vậy, nếu tiếp tục quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên đương sự nên cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị K'T, xử cho chị K'T và anh Ha An D được ly hôn là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị K'T và anh Ha An D có hai con chung là K'Anh T, sinh ngày 21/4/2007 và Ha T, sinh ngày 26/7/2011. Hiện nay cả hai con đang ở với anh D và ông bà nội. Khi ly hôn, chị K'T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Ha T. Xét thấy, cháu K'Anh T và cháu Ha T đã trên 07 tuổi, cháu K'Anh T có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Ha T có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị K'T hiện nay đang thuê trọ, chưa có chỗ ở ổn định nhưng chị xác định có thu nhập ổn định để lo cho con, còn anh Ha An D thì đang sống phụ thuộc gia đình bố mẹ đẻ nên nếu giao cả hai con cho anh Ha An D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo mọi điều kiện tốt nhất cho Trẻ nên cần căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là K'Anh T, sinh ngày 21/4/2007 cho anh Ha An D nuôi dưỡng; giao con chung là Ha T, sinh ngày 26/7/2011 cho chị K'T nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con là phù hợp. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] *Về tài sản chung*: Các đương sự xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K'T và anh Ha An D thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung. Tòa án đã làm việc với các chủ nợ là bà Trương Thị Kim N và ông Phạm Khắc K, cả bà N và ông K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ vợ chồng chị K'T, anh Ha An D nợ ông, bà trong vụ án này nên Tòa án không đưa bà Trương Thị Kim N và ông Phạm Khắc K vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và không đặt ra để giải quyết về nợ chung trong vụ án này. Nếu sau này chị K'T, anh Ha An D không trả nợ, các bên phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện vụ án kiện dân sự khác.

[6] *Về án phí*: Chị K'T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị K'T, xử cho chị K'T và anh Ha An D được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là K'Anh T, sinh ngày 21/4/2007 cho anh Ha An D có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là Ha T, sinh ngày 26/7/2011 cho chị K'T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục theo nguyện vọng của các con. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị K'T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị K'T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000968 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Chị K'T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị K'T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 24/6/2019). Anh Ha An D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Lê Trung Kiên